TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 23 - 4 - 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Hoàng Thị Thoan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm công khai để xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-DS ngày 22/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-DS ngày 12/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-DS ngày 25/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Q

Địa chỉ: số D B, khu đô thị P, T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Hoàng Thế S – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Tuấn D, sinh năm 1973; địa chỉ: số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (Giấy ủy quyền lập ngày 28/4/2023 được sửa đổi, bổ sung ngày 15/5/2023), có mặt tại phiên tòa.

- *Đồng bị đơn:* Ông Dương Đình S1, sinh năm 1968; anh Dương Đình T, sinh năm 2003; Đều cư trú tại: thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh U, sinh năm 1979; địa chỉ: T khi xuất cảnh: thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi làm việc cuối cùng: số A, tầng G đường Đ, khu V, thành phố Đ, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2023 và ý kiến tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Tuấn D đại diện cho nguyên đơn Công ty cổ phần Q (gọi tắt là Công ty Q) trình bày:

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T đã dùng toàn bộ tài sản nhà, đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của mình tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình để ký hợp đồng bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị Thanh U với nội dung: "Phối hợp với bên A (Công ty Q) hướng dẫn giáo dục bên C(bà U) thực hiện các văn bản hợp đồng đã ký.

- Ngay khi biết bên C bỏ trốn lập tức kêu gọi động viên bên C (bà U) sớm quay về đầu thú nếu đã bỏ trốn.

- Cam kết bồi thường cho bên A (Công ty Q) số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nếu bên C bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp, thời gian bồi thường trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo bên C đã bỏ trốn của bên A.

- Không yêu cầu bên A phải chịu bất cứ trách nhiệm gì với bên B và bên C khi bên C vi phạm nội dung hợp đồng này, miễn mọi trách nhiệm về dân sự, hình sự, kinh tế cho bên A.

- Dùng toàn bộ tài sản nhà đất dùng bảo lãnh nêu trên để đảm bảo việc bồi thường cho bên A (nếu bên C bỏ trốn hoặc vi phạm hợp đồng này mà hết 7 ngày bên B không có đủ tiền bồi thường cho bên A số tiền 100.000.000 đồng thì bên A có quyền khởi kiện bên B ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo lãnh để bồi thường cho bên A, trong trường hợp tiền phát mại chưa đủ bên B vẫn có trách nhiệm tiếp tục trả đủ tiền bồi thường như cam kết trong hợp đồng này.

- Cam kết khi bên C chưa hết hạn hợp đồng về nước thì tài sản bên B đang dùng bảo lãnh cho bên C không được sang tên chuyển nhượng cầm cố cho bất cứ ai, nếu vi phạm điều cấm này bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật".

Ngày 10/9/2022, bà Nguyễn Thị Thanh U ký hợp đồng đi làm việc tại Đài Loan với Công ty;Ngày 27/10/2022, bà Nguyễn Thị Thanh U bay đến Đài Loan để thực hiện hợp đồng lao động; Ngày 07/11/2022 bà Nguyễn Thị U đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc.

Ngày 11/11/2022, Công ty Q đã có văn bản thông báo tới gia đình ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T tại địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình để thông báo về việc bà Nguyễn Thị Thanh U đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc và đề nghị gia đình và địa phương phối hợp giúp đỡ kêu gọi bà U quay lại nơi làm việc nhưng đến nay gia đình ông S1 và lao động Nguyễn Thị Thanh U không có phản hồi về Công ty Q. Bà Nguyễn Thị Thanh U bỏ trốn là tự ý chất dứt hợp đồng lao động nhưng không về Việt Nam mà ở lại Đài Loan trái phép nên theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có thể bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: "Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến dưới 100 triệu đồng đối với người lao động có hành vi tự ý ở lại nước ngoài trái pháp luật sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng…."

Việc bà Nguyễn Thị Thanh U bỏ trốn tại Đài Loan là việc làm vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng, cư trú bất hợp pháp tại nước sở tại sẽ phải chịu hình phạt rất nghiêm khắc, đặc biệt về tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền lợi của công dân đều không

được bảo đảm. Mặt khác còn làm thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và uy tín của Công ty. Bà Nguyễn Thị Thanh U bỏ trốn thì coi là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng, tự ý ở lại nước ngoài trái pháp luật là vi phạm khoản 14, Điều 7 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp dồng năm 2020 và khoản 3 Điều 56 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp dồng năm 2020.

Từ những nội dung trên, Công ty Q đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử buộc ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T thực hiện đúng nội dung hợp đồng bảo lãnh và Biên bản làm việc chống bỏ trốn đã ký kết với Công ty Q, bồi thường cho Công ty Q số tiền 100.000.000 đồng do người được bảo lãnh vi phạm hợp đồng; Miễn trừ mọi trách nhiệm cho bên A đối với bên B và bên C do bên C bỏ trốn vi phạm hợp đồng; Riêng về cam kết của ông Dương Đình S1, bà Nguyễn Thị Thanh U và anh Dương Đình T dùng toàn bộ tài sản nhà đất của mình tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình để bảo đảm việc bồi thường cho Công ty Q nếu bà U bỏ trốn. Tuy nhiên do không có giấy tờ gì nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Đối với đồng bị đơn ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T: Mặc dù Tòa án đã gửi giấy triệu tập ông S1 và anh T đến làm việc lần thứ 1 vào lúc 08 giờ ngày 14/7/2023, lần thứ hai vào lúc 08 giờ ngày 28/7/2023, phiên họp hòa giải ngày 22/12/2023; phiên họp hòa giải ngày 23/01/2024; Phiên tòa ngày 25/3/2024 và phiên tòa ngày 23/4/2024 nhưng ông S1 và anh T đều vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh U: Sau khi được Công ty Q đưa đi lao động tại Đài Loan thì đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc và hiện nay chưa về Việt Nam, Tòa án cũng đã ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng cho bà U thông qua Văn phòng kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Loan nhưng đều không có kết quả hay bất cứ thông tin gì của bà U.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Dương Đình T tương ứng với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), còn lại giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Dương Đình S1 chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị Thanh U với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Dương Đình T với số tiền 50.000.000 đồng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc ông S1 chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty Q số tiền là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền bảo lãnh; đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của Công ty Q về việc yêu cầu ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị Thanh U do vi phạm hợp đồng lao động tại Đài Loan là bỏ trốn khỏi nơi làm việc, nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng bảo lãnh. Theo cung cấp của Cục Q1 Bộ C1 thì bà Nguyễn Thị Thanh U đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 27/10/2022. Bà Nguyễn Thị Thanh U là người có quyền lợi liên quan tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đang ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T (có tra cứu định vị của cơ quan bưu chính đã phát thành công vào các ngày 07/7/2023, ngày 21/7/2023, ngày 29/11/2023), nhưng phía bị đơn ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T không có mặt, không hợp tác. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, lập biên bản niêm yết văn bản tố tụng vào ngày 05/01/2024 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, lý do niêm yết: *"Cán bộ UBND xã T, huyện B đến để giao văn bản tố tụng của Tòa án nhưng hiện ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T không có ở nhà, không có mặt tại địa phương, không có ai nhận và bà Nguyễn Thị Thanh U hiện đang cư trú tại nước ngoài…".* Tòa án cũng đã thông báo cho bà Nguyễn Thị Thanh U biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án trên Hệ thống phát thanh đối ngoại quốc gia - Đ (VOV5) kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài trong 03 lần liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ bà U.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng hoãn phiên tòa vào ngày 25/3/2024; Tòa án cũng tiến xác minh tại Công an xã T và được biết anh Dương Đình T không có mặt tại địa phương qua nắm bắt thông tin thì anh Dương Đình T hiện đã đi nước ngoài. Tại phiên tòa hôm nay ông Dương Đình S1, anh Dương Đình T và bà Nguyễn Thị Thanh U vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 10/9/2022, Công ty Q được Bộ L cấp Giấy phép số 1182/LĐTBXH-GP ngày 09/4/2020 về việc cho phép Công ty Q hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, Công ty Q ký Hợp đồng số 407/2022 với bà Nguyễn Thị Thanh U, sinh ngày 25/06/1979, công việc là "Khán hộ công gia đình", thời hạn hợp đồng là 03 năm, tại nhà chủ Trâu T, địa chỉ: số A, tầng G đường Đ, khu V, thành phố Đ, Đài Loan.

[2.1] Để đảm bảo cho công việc bà Nguyễn Thị Thanh U, ngày 26/9/2022 ông Dương Đình S1 (Chồng của bà U), anh Dương Đình T (con đẻ của bà U), địa chỉ: thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình là người đứng ra ký hợp đồng bảo lãnh với Công ty Q về việc bảo lãnh cho bà U với cam kết: *"..Phối hợp với bên A hướng dẫn giáo dục bên C (bà U là người được bảo lãnh) thực hiện các văn bản hợp đồng đã ký; Ngay khi*

biết bên C bỏ trốn lập tức kêu gọi động viên bà U sớm quay trở về đầu thú; Cam kết bồi thường cho bân A (Công ty Q) số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nếu bên C bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp, thời gian bồi thường trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo bên C đã bỏ trốn của bên A…” ; ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T đã dùng toàn bộ tài sản nhà, đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của mình tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình để bảo lãnh cho bà U, tuy nhiên không đăng ký giao dịch bảo đảm, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng năm 2020: “*Việc bảo lãnh được thực hiện theo, quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì doanh nghiệp D1, đơn vị sự nghiệp có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại..”;* Theo quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự: “*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.* Với quy định trên việc ký kết hợp đồng bảo lãnh giữa ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T với Công ty Q và bà Nguyễn Thị Thanh U là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định trong các Hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi sang Đài Loan làm việc đến ngày 07/11/2022 bà U (người được bảo lãnh) đã tự ý bỏ trốn khỏi nơi làm việc (theo Thông báo từ Công ty H- Đài Loan và C sử dụng lao động Trâu Thận Đường), phía Công ty Q cũng đã có Thông báo ngày 11/11/2022 gửi cho ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T về việc bà Nguyễn Thị Thanh U bỏ trốn khỏi nơi làm việc.

[2.3] Hành vi bỏ trốn khỏi nơi làm việc của bà Nguyễn Thị Thanh U đã làm phát sinh nghĩa vụ của ông Dương Đình S1 và anh Dương Đình T quy định tại khoản 3 trong mục II của Hợp đồng bảo lãnh, theo quy định tại Điều 338 Bộ luật Dân sự *“Khi nhiều người cùng bảo lãnh một nghĩa vụ thì phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập; bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người bảo lãnh liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ; Khi một người trong số những người bảo lãnh liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì có quyền yêu cầu những người bảo lãnh còn lại phải thực hiện phần nghĩa vụ của họ đối với mình”.*

Vì vậy ông S1 và anh T phải chịu trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh 100.000.000 đồng cho Công ty Q. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Dương Đình T tương ứng với ½ nghĩa vụ bảo lãnh (50.000.000 đồng), việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng khởi kiện của Công ty Q yêu cầu ông Dương Đình S1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do bà Nguyễn Thị Thanh U bỏ trốn khỏi nơi làm việc tại Đài Loan là có căn cứ, cần chấp nhận buộc ông Dương

Đình S1 chịu trách nhiệm trả cho Công ty Q số tiền bảo lãnh là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Công ty Q chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng chi phí tố tụng và đăng thông tin trên hệ thống kênh phát thanh của Ban đối ngoại Đ VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 71; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; các Điều 474, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 335, 336, 338, 339, 342 của Bộ luật Dân sự; Khoản 14 Điều 7, các Điều 54, 55, 56, 57, 58 Luật người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020, tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Q đối với yêu cầu buộc anh Dương Đình T trả cho Công ty cổ phần Q số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền bảo lãnh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Q về việc "Yêu cầu ông Dương Đình S1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"

- Buộc ông Dương Đình S1 phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Q số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền bảo lãnh.

2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Đình S1 phải chịu nộp 2.500.000 đồng;

Trả lại cho Công ty cổ phần Q số tiền 2.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0005485 ngày 21/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần Q chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng chi phí tố tụng và đăng tin thông báo trên kênh phát thanh VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Niêm yết tại UBND xã Tây Trạch;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án, Tòa dân sự.